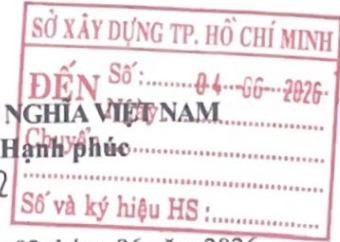


CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN  
XÂY DỰNG TÂM TRÍ  
Số: 01/2026-PTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 06 năm 2026

**CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

**Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh**

*Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;*

*Thực hiện Công văn số 1707/SXD-KTVLXD ngày 15/01/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai, phổ biến quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.*

Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Tâm Trí công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

**1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

**1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:** Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Tâm Trí.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0309949788, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 04 năm 2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 08 năm 2025. Nơi cấp: Sở Tài chính Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 500/17 Phạm Văn Hai, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02862928037

Fax: 02862928037

Email: tvxdtamtri@gmail.com

Web: www.tuvanxaydungtamtri.com

**2. Thông tin Phòng thí nghiệm:** Phòng thí nghiệm Cơ học đất và Vật liệu xây dựng

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm mã số LAS-XD 1715 được cấp theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 151/GCN-BXD ngày 31/05/2022 của Bộ Xây dựng)

Địa chỉ: 153 Đường 49, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02862928037

Fax: 02862928037 Email: tvxdtamtri@gmail.com

Web: <https://tuvanxaydungtamtri.com>

Trạm thí nghiệm hiện trường: Không có

## II. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng; máy móc, thiết bị tương ứng, thí nghiệm viên tương ứng Phụ lục I
- Danh sách cán bộ, nhân viên của phòng thí nghiệm: Phụ lục II
- Danh mục máy móc, thiết bị: Phụ lục III

Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Tâm Trí chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**ĐẠI DIỆN  
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG  
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**  
(Ký tên, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Văn Tín*

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM; TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TƯƠNG ỨNG;**  
**MÁY MÓC, THIẾT BỊ TƯƠNG ỨNG, THÍ NGHIỆM VIÊN TƯƠNG ỨNG**

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG</b>				
1.	Xác định độ mịn, độ nghiền mịn bề mặt blaine, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023; ASTM C188-25, ASTM C430-25 ; ASTM C204-25; AASHTO T153-22; AASHTO T133-22; ASHTO T192-23	Sàng ( kích thước 0,09; 0.08; 0.045mm) , cân điện tử 0.01g, tủ sấy, Bình khối lượng riêng, dầu hoả, đồng hồ bấm giây, cọ quét, khay đựng mẫu sấy.	Võ Xuân Vinh Đinh Công Thương Lê Hồng Nhịp
2.	Xác định cường độ nén và uốn của xi măng	TCVN 6016:2011; ASTM C109/109M-24	Máy nén, Cân điện tử (1g), gá thử nén, gá thử độ bền uốn .	
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015, TCVN 8875:2012; ASTM C187-23, ASTM C191-21; AASHTO T131-23	Máy trộn vữa, bộ dụng cụ Vicat, kim xuyên; chảo trộn, bay trộn hồ, Cân(1g), ống đong, dao thép, đồng hồ bấm giây	
<b>THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>				
4.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143/C143M-20	Bộ côn thử độ sụt, thước đo	Võ Xuân Vinh Đinh Công Thương Lê Hồng Nhịp
5.	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; BS EN 12350-19	Cân (1g), Thùng đong hình trụ, Thước lá bằng thép	
6.	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022; ASTM C232-21; AASHTO T158-15; BS EN 12350-19	Khuôn thép kích thước 200x200x200mm, Sàng, Pipet 5ml	
7.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022; ASTM C642-21; BS EN 12390-21	Cân kỹ thuật, (0,01g), Bình dung tích 100 mL, Tủ sấy, Máy nghiền, bếp cách thủy, Sàng 5,0 mm; 1,25 mm và 0,125 mm, Bình hút ẩm, Hoá chất, thuốc thử	
8.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642-21; BS EN 12390-21	Cân kỹ thuật (0,01g), Thùng ngâm, Tủ sấy, Bình hút ẩm	
9.	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022; ASTM C642-21; BS EN 12390-21	Cân kỹ thuật, (0,01g), Thước đo, Tủ sấy, Bình hút ẩm	
10.	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022; TCVN 10303:2025; ASTM C39-21; ASTM C42-20; AASHTO T22-20; AASHTO T140-20; AASHTO T24-22	Máy nén uốn bê tông, Thước đo; Thước góc, Đồng hồ bấm giây	
11.	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C293-16; ASTM C78-22;	Máy nén uốn bê tông, Thước đo	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
		AASHTO T97-18; AASHTO T177-17		
<b>THỦ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>				
12.	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136/C136M-25 AASHTO T27-24	Cân kỹ thuật, 0,01g, Bộ sàng tiêu chuẩn 2,5; 5; 10; 20; 40; 70; 100 và 0,140; 0,315; 0,630, 1,25 mm, Máy lắc sàng, Tủ sấy,	Võ Xuân Vinh Đình Công Thương Lê Hồng Nhịp
13.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước của cốt liệu	TCVN 7572-4:2006; ASTM C128-25 AASHTO T84-22	Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,01g, Tủ sấy, Bình dung tích, bảng thủy tinh, 1,05 lít - 1,5 lít, Thùng ngâm mẫu, Khay chứa, Côn thử độ sụt, Phễu, Que chọc kim loại, Bình hút ẩm, Sàng (5 và 0,140 mm)	
14.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C40:2014; AASHTO T85-22	Cân kỹ thuật, 0,01g, Cân thủy tinh, 1 %, và có giỏ đựng mẫu, Thùng ngâm mẫu, Khăn thấm nước mềm và khô, Thước kẹp, Bàn chải sắt, Tủ sấy	
15.	Xác định khối lượng thể tích xếp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29/C29M-23; AASHTO T19/T19M-25	Thùng đồng bằng kim loại, hình trụ, dung tích 11; 21; 51; 101 và 201, Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,01g, Phễu chứa vật liệu, Bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy, Thước lá kim loại, Thanh gỗ thẳng, nhẵn, đủ cứng để gạt cốt liệu lớn	
16.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C566-25 AASHTO T255-22 ASTM C70:20	Cân kỹ thuật, 0,01g, Tủ sấy, Dụng cụ đào mẫu (thìa hoặc dao)	
17.	Xác định cường độ và hệ số mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D7012-23	Máy nén, Máy khoan và máy cưa đá, Máy mài nước, Thước kẹp, Thùng hoặc chậu để ngâm mẫu	
18.	Xác định độ nén đập trong và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy nén thủy, Xi lanh bằng thép, có đáy rời, Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,01g, Bộ sàng tiêu chuẩn theo TCVN 7572-2:2006, Tủ sấy, Thùng ngâm mẫu	
19.	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn và đập Los Angeles	TCVN 7572-12:2006; ASTM C535-16(2024)	Máy Los Angeles, Bi thép (390-445 g/viên), Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,01g, Bộ sàng, kích thước 37,5; 25mm; 19; 12,5; 9,5; 6,3; 4,75; 2,36 và 1,7 mm, Tủ sấy	
20.	Xác định hàm lượng hạt trôi dạt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,01g, Thước kẹp cái tiến, Bộ sàng D300, Tủ sấy	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
21.	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Cân (0,01g), Tủ sấy, Bộ sàng tiêu chuẩn: 5 mm; 2,5 mm; 1,25 mm; 0,630 mm; 0,315 mm; 0,140 mm, Giấy nhám, Đũa thủy tinh	Võ Xuân Vinh Đình Công Thương Lê Hồng Nhịp
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG</b>				
22.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; ASTM D854-23 ASTM D5550-23; BS 1377-2:2022; BS EN ISO 17892-3-15	Cân kỹ thuật (0,01 g); Bình tỷ trọng dung tích 100 cm <sup>3</sup> ; Tủ sấy; Sàng có lưới N <sup>o</sup> 2 (kích thước lỗ Sàng 2 mm); Tỷ trọng kế; Thiết bị ổn nhiệt; bình hút chân không; Cối chà sứ, phễu, cốc nhỏ có nắp	Châu Lộc Nghị Võ Xuân Vinh Đình Công Thương
23.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216-19; ASTM D4959-16; BS 1377-2:2022	Dao vòng bằng kim loại, thước cặp, dao cắt có lưỡi thẳng, Cân kỹ thuật (0.01g), các tấm kính, dụng cụ xác định độ ẩm, hộp nhôm có nắp, tủ sấy, bình hút ẩm	
24.	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm	TCVN 4197:2012; TCVN 14134-4:2024; ASTM D 4310-22a; ASTM D4318-17E1	cân kỹ thuật (0.01g) tủ sấy, sàng 1mm, tấm kính nhám, chùy xuyên vaxiliep, dụng cụ casagrande, khuôn hình trụ, sàng 1.0mm; hộp, cối chà sứ, dao.	
25.	Xác định thành phần hạt trong phòng thí nghiệm	TCVN 4198:2014; TCVN 14135-5:2024; TCVN 14134-3:2024 ASTM D422-22; ASTM C136/C136M-19; ASTM D1140-17; ASHTO T88-22 ASHTO T27-23	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật (0.01g), cân (0.5g), tủ sấy, nhiệt kế điện tử, bình hút ẩm, cối chà sứ, bình phun tia, dụng cụ để thí nghiệm xác định độ ẩm.	
26.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995; AASHTO T236-08; ASTM D3080M-23	Máy cắt một phẳng – Loại A: lực cắt tác dụng trực tiếp, dao vòng cắt, tấm nền truyền lực, đồng hồ đo biến dạng, vòng đo lực ngang.	
27.	Xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012; ASTM D2435-20	Máy nén tam liên; Đồng hồ so; Cân kỹ thuật (0,01g), Dao vòng, dao gạt đất, thước, tấm kính...	
28.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn, đầm nén proctor trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; ASTM D1557-12 (2021) AASHTO T180-22	Cối đầm; Cân kỹ thuật (0.01g); Tủ sấy; Sàng 5 mm; Bình hút ẩm, bình phun nước, dao gạt đất; hộp, cối chà sứ có đầu bọc cao su	
29.	Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D7263-21	Dao vòng; Thước kẹp; Cân kỹ thuật (0,01g); Tủ sấy; Dao, cốc thủy tinh, hộp nhôm, bình	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
			hút âm	
30.	Xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020; ASTM D1883-21	Máy nén CBR. Đồng hồ đo biến dạng; Cối CBR; Chày đầm; tấm đệm; Cân kỹ thuật (0,01g); Tủ sấy; Sàng: lỗ 19,0 mm và 4,75 mm; bể ngâm mẫu	Châu Lộc Nghịệp Võ Xuân Vinh Đình Công Thương
31.	Xác định sức kháng cắt không cố kết - Không thoát nước và cố kết - Thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục	TCVN 8868:2011; ASTM D4767-20; ASTM D7181-20; JGS 0520:0524; AASHTO T296-22; ASTM D2850-23; ASTM D4546-21	Máy 3 trục; Đồng hồ đo áp suất cell; Đồng hồ đo áp suất nước lỗ rỗng; Đồng hồ đo lực dọc trục; Đồng hồ đo chuyển vị; Thiết bị đo thể tích nước thay đổi	
32.	Xác định độ bền nén một trục nở hông	TCVN 9438:2012 ASTM D2166-06; AASHTO T208-15	Máy 3 trục/ 1 trục; Đồng hồ đo biến dạng; Tấm đệm; thước; đồng hồ bấm giây; cân kỹ thuật (0.01g); dao dây, khay đựng mẫu	
<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>				
33.	Xác định khối lượng thể tích, độ chặt đất hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020; TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; ASTM D2937-17e2;	cân kỹ thuật 1g, Sàng 5mm, tủ sấy, dao gạt đất, dao dai, búa, bàn chải lông	Võ Xuân Vinh Đình Công Thương Lê Hồng Nhịp
34.	Xác định khối lượng thể tích, độ chặt hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; AASHTO T191-14(2022); ASTM D1556/D1556M-24	Bộ phễu rót cát, Cát chuẩn: lọt qua sàng 2,36mm và nằm trên sàng 0,3mm, Cân 15kg, Các dụng cụ khác: dao, cuốc nhỏ, xô có nắp, hộp đựng mẫu âm.....	
35.	Xác định độ bằng phẳng mặt đường bằng thước 3,0 mét	TCVN 8864:2011 ASTM E950/E950M-22	Bộ thước 3 mét, Con nôm	
36.	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cân đo vông benkelman	TCVN 8867:2011; ASTM D4695-03(2020) AASHTO T256-01	Cân đo vông Benkelman, Đồng hồ SO, Kịch thủy lực, Tấm ép cứng	
37.	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; AASHTO T 221-90 (2021) ASTM D1195/D1195M-21; ASTM D1556/D1556M-15e1	Bộ đo E bằng tấm ép cứng, Đồng hồ SO, cát sạch, thước nivo	
38.	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011	Máy đo CBR hiện trường và phụ kiện kèm theo, bộ cân xuyên, chùy xuyên, tấm gia tải, bay, mui xúc.	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
39.	Xác định cường độ nén của bê tông bằng phương pháp sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng thử bê tông loại bật nảy.	TCVN 9335:2012; ASTM C805/C805M-25 ASTM C597-22	Súng bật nảy, Máy siêu âm cốt thép trong bê tông	Châu Lộc Ng nghiệp Võ Xuân Vinh Đình Công Thương Lê Hồng Nhịp
40.	Xác định cường độ chịu nén của bê tông bằng súng bật nảy.	TCVN 9334:2012 ASTM C805/C805M -25	Súng bật nảy	
41.	Phương pháp không phá hủy - Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012 ASTM C597-22	Máy siêu âm bê tông	
42.	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	TCVN 10184:2021; ASTM D2573/D2573M:18 AASHTO T223-96	Thiết bị FVT	
43.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2022 AASHTO T206-19; ASTM D1586/D1586M-18e1	Bộ thiết bị thí nghiệm SPT (Bao gồm các bộ phận: Thiết bị khoan tạo lỗ, Đầu xuyên, Bộ búa đóng);	
44.	Phương pháp thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:2012; ASTM D1586/D1586M-18; AASHTO T206-19	Bộ thiết bị CPT	

**PHỤ LỤC II**  
**DANH SÁCH CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN**

TT	Họ tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ/ Nhiệm vụ được giao	Ghi chú
1	Châu Lộc Nghiệp	1986	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cử nhân địa chất</li> <li>- Chứng nhận tập huấn tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007</li> <li>- Thí nghiệm cơ học đất</li> </ul>	Trưởng phòng	
2	Võ Xuân Vĩnh	1968	<ul style="list-style-type: none"> <li>- THPT</li> <li>- Phương pháp xác định các tính chất cơ lý bê tông và vật liệu xây dựng</li> <li>- Chứng chỉ nghề kiểm tra nền và mặt đường</li> <li>- Thử nghiệm đất xây dựng</li> </ul>	Thí nghiệm viên	
3	Đinh Công Thương	1970	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ sư địa chất công trình</li> <li>- Chứng nhận tập huấn tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007</li> <li>- Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường</li> <li>- Thử nghiệm không phá hủy DGCL kết cấu bê tông và bê tông cốt thép</li> </ul>	Thí nghiệm viên	
4	Lê Hồng Nhịp	1986	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung học chuyên nghiệp chuyên ngành xây dựng cầu đường</li> <li>- Thí nghiệm viên ngắn hạn chuyên ngành xây dựng công trình giao thông</li> </ul>	Thí nghiệm viên	

**PHỤ LỤC III**  
**DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ**

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật	Hiệu định/ hiệu chuẩn	Nơi sử dụng thiết bị	Ghi chú
1.	Tủ sấy	1	Nơi sản xuất: Trung Quốc Phạm vi đo: 10-300°C Vạch chia: 10°C	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
2.	Máy 3 trục	1	Vòng lực: 10kN Đồng hồ so: (0-25.4)/0.001mm	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
3.	Máy cắt phẳng	1	Vòng lực: 1.2kN Đồng hồ so: (0-10)/0.01mm	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
4.	Máy nén TYA-2000	1	Nơi sản xuất: Trung Quốc Phạm vi đo: (0-2000kN) Độ phân giải: 0.01kN; 0.1kN	Kiểm định	Phòng thí nghiệm	
5.	Kịch thủy lực	1	Khả năng đo tối đa: 200kN	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
6.	Áp kế	1	Nơi sản xuất: Satora Phạm vi đo: (0-800) kgf/cm <sup>2</sup> Độ phân giải: 20 kgf/cm <sup>2</sup>	Kiểm định	Phòng thí nghiệm	
7.	Cân kỹ thuật	1	Mức cân lớn nhất: 2200g Giá trị độ chia: 0.01g	Kiểm định	Phòng thí nghiệm	
8.	Cân kỹ thuật	1	Mức cân lớn nhất: 30kg Giá trị độ chia: 1g	Kiểm định	Phòng thí nghiệm	
9.	Cân đĩa	1	Mức cân lớn nhất: 15kg Giá trị độ chia: 0.5g	Kiểm định	Phòng thí nghiệm	
10.	Cân benkenman	1	Tỷ lệ truyền 2:1 Đồng hồ so: (0-10)/0.01mm	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
11.	Nhiệt kế điện tử	1	Nơi sản xuất: HUMBOLDT Phạm vi đo: (-50 đến 150)°C Độ phân giải: 0.1°C	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
12.	Tỷ trọng kế	1	Phạm vi đo: 0.995-1.038) sp.gr Độ phân giải: 0.001sp.gr	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
13.	Máy nén đất tam liên	5	Nơi sản xuất: Trung Quốc	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	

TT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật	Hiệu định/ hiệu chuẩn	Nơi sử dụng thiết bị	Ghi chú
	WG-1B		Áp lực nén: 12.5 – 1600kPa Cấp gia tải: 12.5-1600kPa/30cm <sup>2</sup> 12.5-800kPa/50cm <sup>2</sup>			
14.	Dụng cụ xác định góc nghi tự nhiên của cát	1	Nơi sản xuất: Việt Nam		Phòng thí nghiệm	
15.	Bơm chân không	1	Nơi sản xuất: Trung Quốc		Phòng thí nghiệm	
16.	Ống cao su	1	Nơi sản xuất: Trung Quốc		Phòng thí nghiệm	
17.	Bình hút chân không 8 lít	1	Nơi sản xuất: Trung Quốc		Phòng thí nghiệm	
18.	Máy khoan XY-1 và phụ kiện kèm theo: Tháp khoan, cần khoan, ống khoan, quang kéo,...	1	Nơi sản xuất: Trung Quốc	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
19.	Xuyên tiêu chuẩn (SPT)	1			Phòng thí nghiệm	
20.	Ống đong 1000mL	36	1000ml		Phòng thí nghiệm	
21.	Dao đánh lông Spatula 20cm	2	Trung Quốc		Phòng thí nghiệm	
22.	Kính nhám 1 mặt	2	Việt Nam Kích thước: 300x300x10mm		Phòng thí nghiệm	
23.	Hộp nhôm có nắp	30	Việt Nam 55x35mm		Phòng thí nghiệm	
24.	Đũa khuấy	1			Phòng thí nghiệm	
25.	Dao vòng	2	Đường kính 61.8x20mm		Phòng thí nghiệm	
26.	Đá thấm	7	Đường kính 61.8x10mm		Phòng thí nghiệm	
27.	Dụng cụ xác định giới hạn chảy Vaxiliep ZY-1	1	Hãng sản xuất: Nanjing Xuất xứ: Trung Quốc		Phòng thí nghiệm	
28.	Sàng	4	Xuất xứ: Trung Quốc Đường kính: 200mm Cỡ lỗ: 1mm; 0.5mm; 0.25mm; 0.1mm		Phòng thí nghiệm	
29.	Thiết bị xác định giới hạn chảy Casagrande	1	Hãng sản xuất: Matest – Italy		Phòng thí nghiệm	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật	Hiểm định/ hiệu chuẩn	Nơi sử dụng thiết bị	Ghi chú
30.	Bộ phễu rót cát GRY-2	1			Phòng thí nghiệm	
31.	Máy lõi đất	1	Hàng gia công		Phòng thí nghiệm	
32.	Bình hút ẩm	1	F300		Phòng thí nghiệm	
33.	Đĩa nén chữ T	2			Phòng thí nghiệm	
34.	Bộ thử thấm cát TST 70	1	Trung Quốc		Phòng thí nghiệm	
35.	Bộ chày Vaxiliep ZY-1	1	Trung Quốc		Phòng thí nghiệm	
36.	Bộ thử thấm đất TST-55	3	Trung Quốc		Phòng thí nghiệm	
37.	Bảng thử thấm 3 chỗ	1	Việt Nam		Phòng thí nghiệm	
38.	Bộ phụ kiện CBR	2	Việt Nam		Phòng thí nghiệm	
39.	Cối cài tiến	1	Việt Nam		Phòng thí nghiệm	
40.	Cối chày sứ	1	Trung Quốc		Phòng thí nghiệm	
41.	Chày đầu cao su	1			Phòng thí nghiệm	
42.	Sàng	1	Trung Quốc D200mm Lỗ vuông 37.5mm		Phòng thí nghiệm	
43.	Dao gạt đất	1			Phòng thí nghiệm	
44.	Máy Gamin GPSMAP	1			Phòng thí nghiệm	
45.	Khuôn hình khối 150mm; 3 mẫu	3	150m		Phòng thí nghiệm	
46.	Bộ thử độ sụt bê tông	1			Phòng thí nghiệm	
47.	Sàng	1	D300mm Lỗ: 2.36mm; 25.0mm		Phòng thí nghiệm	
48.	Thuốc kẹp	1	0-300/0.02mm		Phòng thí nghiệm	
49.	Khuôn Lechatelier	1			Phòng thí nghiệm	
50.	Bộ dụng cụ Vicat	1			Phòng thí nghiệm	
51.	Thiết bị cắt cánh	1			Phòng thí nghiệm	